

Số: KHHM-10/15h00/DBQG

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN MÙA
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC
(Từ tháng 11/2026-4/2027)**

1. Phân tích, đánh giá tình hình khí tượng nổi bật trong 02 tháng qua

a) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm:

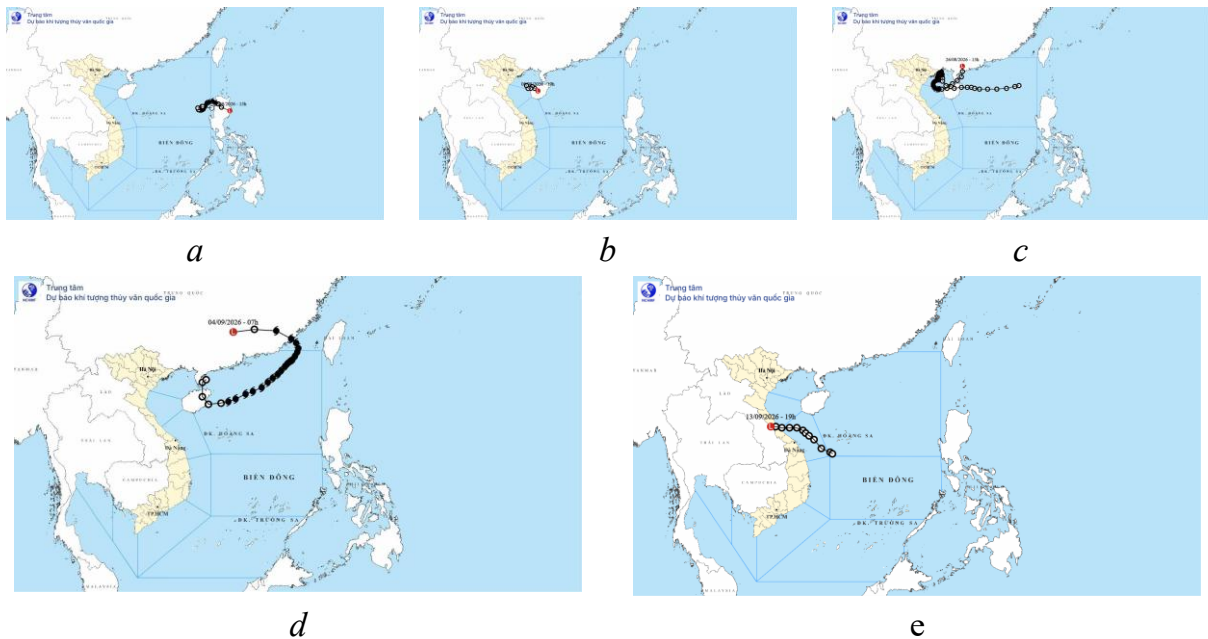
- *Dông, lốc, sét, mưa đá*: Trên phạm vi toàn quốc xảy ra một số trận dông, lốc, sét và mưa đá (*Bảng 1-Phụ lục*).

- *Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)*: Từ tháng 8/2026 đến nay, trên khu vực Biển Đông đã xuất hiện 03 cơn bão và 02 ATNĐ (*Hình 1*); trong đó, có 01 cơn bão (cơn bão số 4-NARRA) và 01 ATNĐ (ngày 12/9) ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam, diễn biến cụ thể như sau:

Bão số 4 (NARRA): Sáng ngày 18/8, một vùng áp thấp trên vùng biển phía Đông khu vực Bắc Biển Đông mạnh lên thành ATNĐ, di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ khoảng 5km/h. Sáng 21/8, vị trí tâm ATNĐ ở trên khu vực Bắc vịnh Bắc Bộ, cách đặc khu Bạch Long Vĩ khoảng 100km về phía Đông, cường độ mạnh cấp 7, giạt cấp 9, di chuyển theo hướng Tây Bắc với tốc độ khoảng 5km/h. Chiều tối 21/8, ATNĐ mạnh lên thành bão, trở thành cơn bão số 4 trên Biển Đông, có tên quốc tế NARRA. Tối 22/8, tâm bão ở khoảng 21,0 độ Vĩ Bắc; 108,0 độ Kinh Đông, trên vùng biển Quảng Ninh-Hải Phòng, cường độ gió mạnh cấp 8, giạt cấp 10, di chuyển theo hướng Nam Tây Nam với tốc độ 3-5km/h. Từ ngày 23-25/8, bão số 4 di chuyển rất chậm và có hướng di chuyển phức tạp, lần lượt chuyển hướng Tây, Nam rồi Đông; cường độ đạt cấp 9, giạt cấp 11 trong ngày 23/8, sau đó suy yếu thành ATNĐ trên khu vực Nam vịnh Bắc Bộ vào chiều 25/8. Chiều 26/8, ATNĐ suy yếu thành một vùng thấp trên khu vực phía Tây Nam tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) sau di chuyển theo hướng Bắc-Đông Bắc và tan dần.

ANTĐ (ngày 12/9): Sáng sớm ngày 12/9, vùng áp thấp trên khu vực phía Tây Nam đặc khu Hoàng Sa đã mạnh lên thành ATNĐ, di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Bắc với tốc độ khoảng 10 km/h, cường độ ổn định ở cấp 6, giạt cấp 8. Chiều 13/9, ATNĐ đã đi vào đất liền khu vực Quảng Trị; do ảnh hưởng của hoàn lưu ATNĐ ở đặc khu Côn Cỏ (Quảng Trị) có gió mạnh cấp 6-7, giạt cấp 8;

Đông Hới (Quảng Trị) và Kỳ Anh (Hà Tĩnh) có gió mạnh cấp 6, giật cấp 8. Tối cùng ngày, ATNĐ đã suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực phía Tây tỉnh Quảng Trị, sau đó tiếp tục di chuyển sang khu vực Trung Lào suy yếu thành vùng áp thấp và tan dần.



Hình 1: Quỹ đạo của cơn bão số 3 (a); Quỹ ATNĐ tháng 8 (b); Bão số 4 (c); Bão số 5 (d); ATNĐ (12/9) (e).

- **Nắng nóng (NN):** Từ tháng 8/2026 đến nửa đầu tháng 10/2026, khu vực Bắc Bộ đã xảy ra 04 đợt NN diện rộng như sau: Từ ngày 08-13/8, 15-17/8, 30/8-03/9 và từ ngày 28/9-02/10 với nhiệt độ cao nhất trong các đợt NN trong tháng 8 phổ biến từ 36,0-39,0⁰C, có nơi cao hơn; nhiệt độ cao nhất trong đợt NN tháng 9 và 10 phổ biến 35,5-37,5⁰C.

Khu vực Trung Bộ trong tháng 8/2026 đến nửa đầu tháng 10/2026, tại khu vực đã xảy ra 05 đợt NN vào các ngày: Từ ngày 02-04/8, 09-18/8, 21-29/8, 01-03/9 và từ ngày 28-30/9. Trong đó, đợt NN từ ngày 02-04/8 và 21-29/8 tập trung chủ yếu ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ. Hầu hết các đợt NN xảy ra với nhiệt độ cao nhất 35,5-37,5⁰C, có nơi cao hơn.

Từ tháng 8/2029 đến nửa đầu tháng 10/2026, tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ NN chỉ xảy ra cục bộ.

Thời kỳ qua, nhiều trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị nhiệt độ cao nhất ngày đạt và vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ, cụ thể: Trong tháng tháng 8/2026 có 17 trạm; tháng 9/2026 có 25 trạm; nửa đầu tháng 10/2026 có 59 trạm (Bảng 2-Phụ lục).

- **Không khí lạnh (KKL):** Từ tháng 8/2026 đến nửa đầu tháng 10/2026, xảy ra 02 đợt KKL, cụ thể: Đợt KKL vào ngày 10/9 đã gây mưa to và dông diện

rộng, cục bộ có nơi mưa rất to ở Bắc Bộ; nhiệt độ trung bình ngày giảm 1,5-3,5⁰C tại các tỉnh Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh; tại trạm Bạch Long Vĩ quan trắc gió Đông Bắc mạnh cấp 5, cấp 6, có lúc cấp 7 trong ngày 11-13/9. Đợt KKL vào đêm 04/10 đã gây ra mưa, mưa vừa diện rộng, có nơi mưa to tại khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa-Nghệ An, sau đó vùng mưa mở rộng xuống phía Nam; nhiệt độ trung bình ngày giảm 2,0-4,0⁰C tại Bắc Bộ và từ Thanh Hóa đến Tp. Huế, tại trạm Bạch Long Vĩ quan trắc gió Đông Bắc mạnh cấp 5, có lúc cấp 6 trong ngày 05-06/10.

- Mưa diện rộng:

+ Tại khu vực Bắc Bộ: Từ tháng 8/2026 đến nửa đầu tháng 10/2026, xảy ra 06 đợt mưa diện rộng vào các thời kỳ: Từ ngày 27/7-07/8, 17-31/8, 09-11/9, 14-18/9, 23-24/9 và từ ngày 04-05/10. Trong đó, đáng lưu ý đợt mưa từ ngày 14-18/9, do chịu ảnh hưởng của không khí lạnh kết hợp với hội tụ gió lên đến mực 5000m cùng với hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới nối với ATNĐ nên từ ngày 14-17/9 ở khu vực Bắc Bộ đã xảy ra mưa vừa mưa to, riêng tại khu vực các tỉnh tại Đồng bằng Bắc Bộ, Phú Thọ và Tp. Bắc Ninh có tổng lượng mưa (TLM) phổ biến trong khoảng 300-500mm, có nơi trên 600mm.

+ Tại khu vực Trung Bộ: Từ tháng 8/2026 đến nửa đầu tháng 10/2026, xảy ra 08 đợt mưa diện rộng vào các thời kỳ: Từ ngày 28/7-09/8, 14-16/8, 18-21/8, 24-25/8, 30/8-01/9, 04-06/9, 09-26/9 và từ ngày 04-14/10. Trong đó, đáng lưu ý có 02 đợt kéo dài từ ngày 09-26/9 và 04-14/10. Cụ thể thời kỳ từ ngày 13-20/9 và từ 23-25/9, mưa vừa, mưa to tập trung chủ yếu ở các tỉnh từ Thanh Hóa-Tp. Đà Nẵng; thời kỳ từ 19-23/9, mưa vừa, mưa to tập trung chủ yếu ở các tỉnh từ Quảng Trị-Tp. Đà Nẵng và ven biển các tỉnh từ Quảng Ngãi-Lâm Đồng. Ngoài ra, trong đợt mưa từ ngày 04-14/10, khu vực từ Thanh Hóa-Nghệ An có mưa vừa, có nơi mưa to trong ngày 04-05/10, từ ngày 05-13/10 mở rộng toàn khu vực, sang ngày 14/10 mưa thu hẹp chủ yếu xảy ra ở khu vực Nam Trung Bộ; trong đợt mưa này, khu vực từ Tp. Huế đến Tp. Đà Nẵng và phía Đông của tỉnh Quảng Ngãi có mưa to đến rất to với TLM phổ biến 400-550mm, riêng tại Tam Kỳ (Tp. Đà Nẵng) có mưa 600mm.

+ Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ: Từ tháng 8 đến nửa đầu tháng 10/2026 xảy ra nhiều ngày có mưa rào và dông rải rác, có ngày xuất hiện mưa vừa, mưa to; trong đó tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ có 03 đợt mưa vừa, mưa to diện rộng vào các thời kỳ từ ngày 09-12/9, 21-23/9 và từ ngày 27-28/9; khu vực Nam Bộ có 02 đợt mưa vừa, mưa to diện rộng từ ngày 10-11/9 và từ ngày 20-23/9.

Trong thời kỳ từ tháng 8/2026 đến nửa đầu tháng 10/2026, một số trạm

khí tượng đã quan trắc được giá trị lượng mưa ngày và tổng lượng mưa tháng vượt GTLS cùng thời kỳ (Bảng 4, 5-Phụ lục).

b) Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa

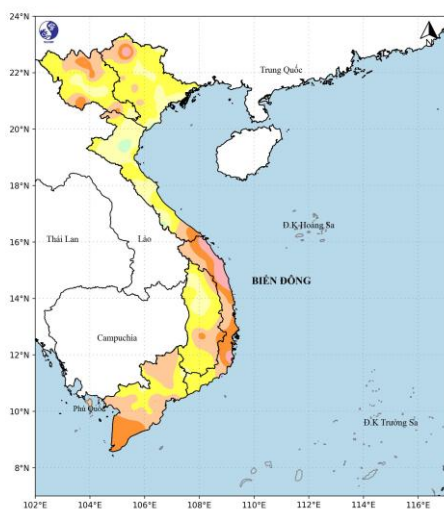
- Nhiệt độ trung bình (NĐTĐ):

Tháng 8/2026, NĐTĐ trên hầu khắp cả nước phổ biến cao hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ từ 0,5-1,0⁰C; riêng khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ cao hơn từ 1,0-2,0⁰C so với TBNN (Hình 2a).

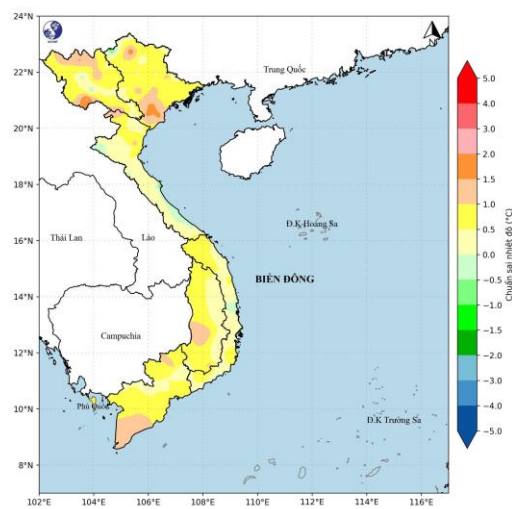
Trong tháng 9/2026, NĐTĐ trên hầu khắp cả nước phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0⁰C, có nơi cao hơn; riêng một số nơi từ Nghệ An-Tp. Huế nền nhiệt độ phổ biến ở mức xấp xỉ đến thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2b).

Trong nửa đầu tháng 10/2026, NĐTĐ trên hầu khắp cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 0,5-1,5⁰C, riêng một số nơi thuộc vùng núi phía bắc cao hơn trên 2,0⁰C.

Từ tháng 8/2026 đến nửa đầu tháng 10/2026, có nhiều trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị nhiệt độ trung bình tháng đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ: Tháng 8/2026 có 36 trạm có nhiệt độ trung bình tháng đạt và vượt GTLS; trong đó tập trung nhiều ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ; tháng 9/2026 có 23 trạm có nhiệt độ trung bình tháng đạt và vượt GTLS (Bảng 3-Phụ lục).



(a)



(b)

Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 8/2026; (b) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 9/2026.

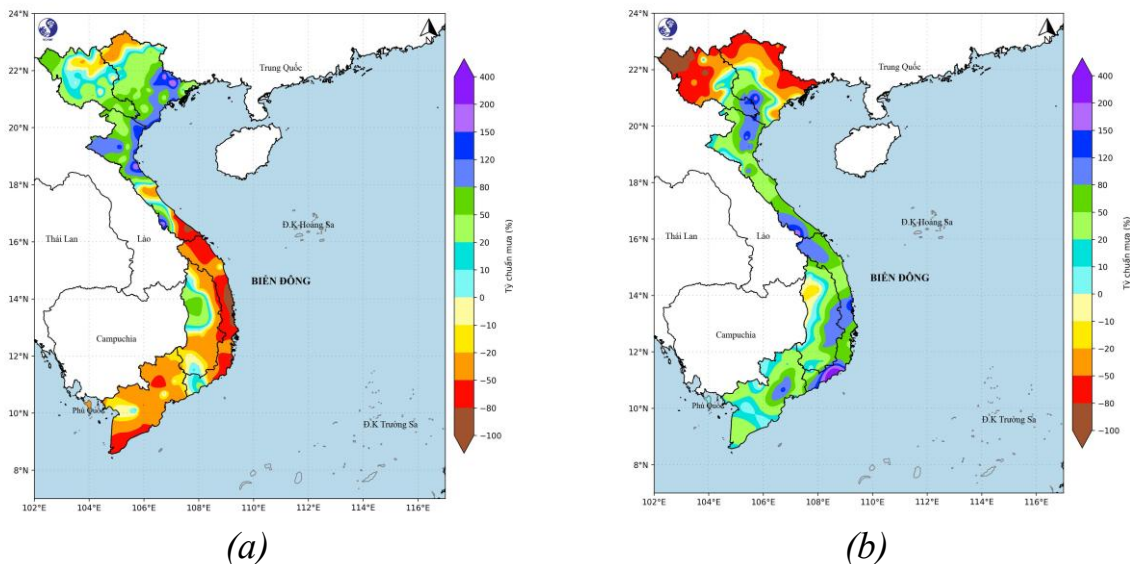
- Tổng lượng mưa (TLM):

TLM trong tháng 8/2026, TLM ở khu vực Bắc Bộ, từ Thanh Hóa-Quảng Trị và Gia Lai phổ biến cao hơn 50-100%, có nơi cao hơn 150-250% so với TBNN. Các khu vực khác TLM thấp hơn 20-50%, riêng các tỉnh ven biển từ Quảng Ngãi-Khánh Hòa có TLM thấp hơn từ 50-80%, có nơi thấp hơn 90% so

với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3a).

Trong tháng 9/2026, TLM tại khu vực vùng núi Bắc Bộ ở mức thấp hơn từ 20-50%, có nơi thấp hơn 70-90% so với TBNN. Các khu vực còn lại trên cả nước đều ở mức cao hơn từ 30-60%, có nơi cao hơn 120% so với TBNN; riêng tại Phan Rí (Lâm Đồng) có TLM cao hơn 351% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3b).

Trong nửa đầu tháng 10/2026, TLM tại hầu khắp khu vực trên cả nước phổ biến thấp hơn so với cùng kỳ từ 30-80% so với TBNN; riêng khu vực phía nam của tỉnh Nghệ An cho đến Tp. Đà Nẵng, phía Đông tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Lâm Đồng có mưa cao hơn từ 15-50% so với TBNN cùng kỳ.



Hình 3: (a) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 8/2026; (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 9/2026.

2. Dự báo khí hậu từ tháng 11/2026 đến tháng 01/2027

2.1 Hiện tượng ENSO

Trong thời kỳ từ tháng 11/2026 đến tháng 01/2027, trạng thái El Niño tiếp tục duy trì cường độ rất mạnh với xác suất rất cao ở mức 96% và tăng hơn so với dự báo cùng thời kỳ tháng trước là 3% (trong đó xác suất El Niño đạt cường độ mạnh chỉ còn là 4%).

2.2. Dự báo xu thế nhiệt độ trung bình

Tháng 11/2026, nhiệt độ trung bình (NĐTB) trên cả nước phổ biến cao hơn TBNN cùng thời kỳ từ 1,0-2,0⁰C. Tháng 12/2026 và tháng 01/2027 NĐTB phổ biến cao hơn TBNN từ 0,5-1,5⁰C, riêng khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ cao hơn từ 1,0-2,0⁰C.

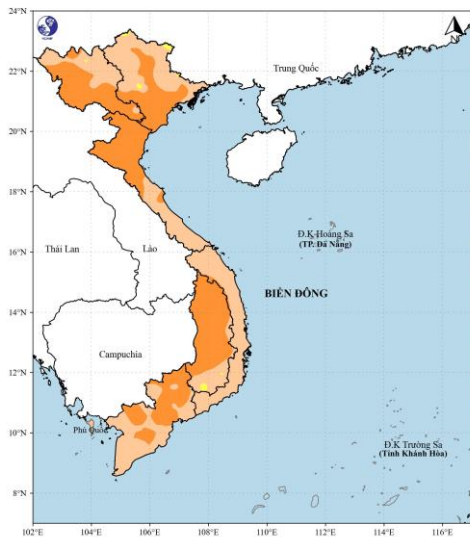
2.3. Dự báo xu thế lượng mưa

Tháng 11/2026, TLM tại Bắc Bộ cao hơn TBNN từ 15-30%; khu vực từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh và Nam Bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN; khu vực

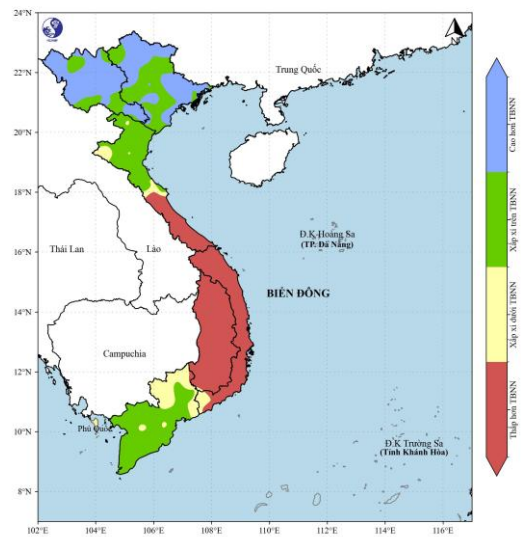
Trung Bộ thấp hơn TBNN từ 20-40%.

Tháng 12/2026, TLM tại Bắc Bộ cao hơn TBNN từ 10-20mm; khu vực từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh xấp xỉ TBNN; từ Quảng Trị - Tp.Huế phổ biến thấp hơn TBNN từ 20-40mm, Duyên hải Nam Trung Bộ thấp hơn từ 50-100mm; Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có TLM thấp hơn 10-20mm so với TBNN cùng thời kỳ.

Tháng 01/2027, TLM tại Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh phổ biến xấp xỉ TBNN; các khu vực còn lại thấp hơn TBNN từ 10-30mm, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ phổ biến ít mưa.

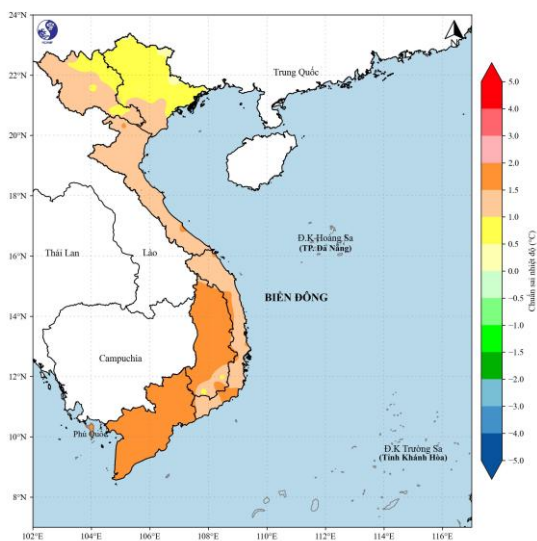


(a)

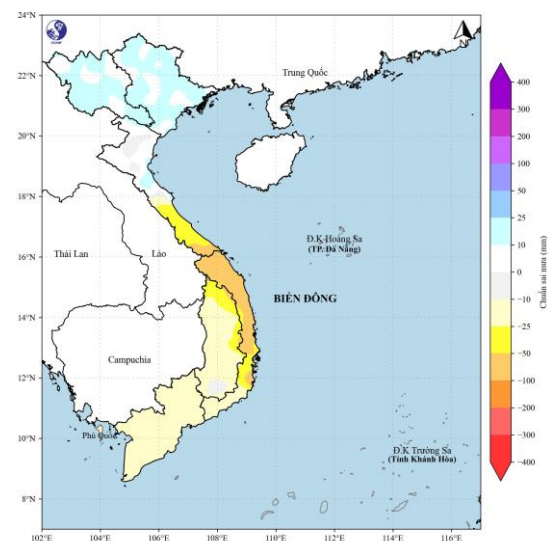


(b)

Hình 4: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 11/2026; (b) Dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 11/2026.

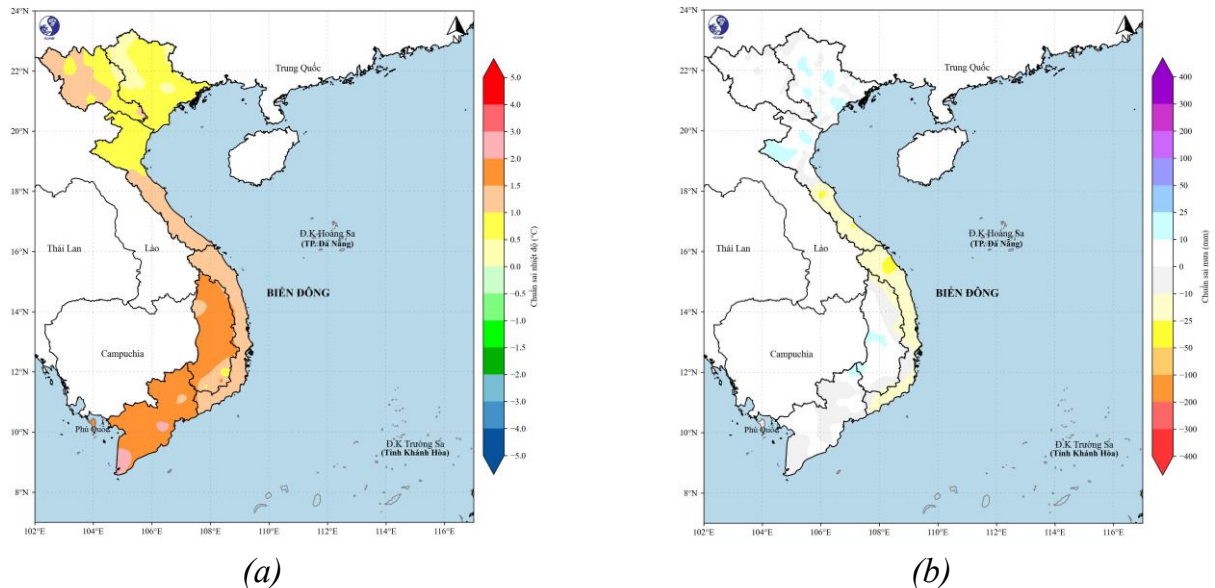


(a)



(b)

Hình 5: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 12/2026; (b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 12/2026.



Hình 6: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 01/2027; (b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 01/2027.

- Khu vực Bắc Bộ:

+ Tháng 11/2026, TLM phổ biến 50-100mm, có nơi cao hơn. Tháng 12/2026 và 01/2027, TLM phổ biến 30-60mm/tháng, có nơi cao hơn.

- Khu vực Trung Bộ:

+ Tháng 11/2026, TLM tại các tỉnh Thanh Hóa- Hà Tĩnh phổ biến từ 40-80mm, có nơi cao hơn; khu vực từ Quảng Trị-Tp. Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ phổ biến 200-400mm, có nơi cao hơn, Cao nguyên Trung bộ phổ biến 30-50mm.

+ Tháng 12/2026, TLM từ Thanh Hóa-Hà Tĩnh phổ biến 30-60mm, có nơi cao hơn; khu vực từ Quảng Trị-Tp. Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ từ 150-300mm, có nơi cao hơn; khu vực Cao nguyên Trung Bộ phổ biến từ 10-20mm, có nơi cao hơn.

+ Tháng 01/2027, TLM từ Thanh Hóa-Hà Tĩnh phổ biến 20-40mm, khu vực từ Quảng Trị-Tp. Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ phổ biến 50-100mm, Cao nguyên Trung Bộ phổ biến ít mưa.

- Khu vực Nam Bộ:

+ Tháng 11/2026, TLM phổ biến từ 80-150mm, có nơi cao hơn.

+ Tháng 12/2026, TLM phổ biến từ 20-40mm, có nơi cao hơn.

+ Tháng 01/2027, phổ biến ít mưa.

Lưu vực sông Mê Kông:

Khu vực thượng lưu: Tháng 11/2026, TLM phổ biến cao hơn so với TBNN từ 10-20%. TLM trong tháng 12/2026 phổ biến cao hơn từ 10-15% so

với TBNN cùng kỳ. TLM tháng 01/2027 phổ biến ít mưa.

Khu vực trung lưu: Từ tháng 11/2026-01/2027, TLM phổ biến thấp hơn so với TBNN từ 10-30%; riêng ở phía Bắc khu vực trong tháng 11-12/2026 TLM phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

Khu vực hạ lưu: Từ tháng 11-12/2026, TLM phổ biến thấp hơn từ 20-40% so với TBNN, riêng khu vực phía Nam tháng 11/2026, TLM phổ biến xấp xỉ so với TBNN. Tháng 01/2027 thấp hơn từ 30-60% so với TBNN cùng thời kỳ.

2.4. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

- Bão/ATNĐ: Từ tháng 11/2026 đến tháng 01/2027, số lượng bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và đổ bộ vào đất liền nước ta có khả năng thấp hơn TBNN cùng thời kỳ (TBNN trên Biển Đông: 2,8 cơn; đổ bộ vào đất liền: 1,1 cơn).

- Không khí lạnh và rét đậm, rét hại: KKL có khả năng hoạt động yếu hơn TBNN. Rét đậm, rét hại có khả năng xuất hiện muộn hơn so với quy luật khí hậu; số ngày rét đậm, rét hại tại Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ phổ biến thấp hơn TBNN cùng thời kỳ. Tuy nhiên, vẫn có khả năng xảy ra các đợt rét đậm, rét hại gây giảm nhiệt độ mạnh nhưng xảy ra ngắn ngày.

- Mưa vừa, mưa to: Trong tháng 11-12/2026, Trung Bộ vẫn có khả năng xuất hiện các đợt mưa vừa, mưa to, tập trung tại khu vực từ Hà Tĩnh đến Tp. Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ. Tuy nhiên, cần lưu ý khả năng thiếu hụt TLM so với TBNN tại nhiều nơi ở Trung Bộ ngay trong các tháng chính mùa mưa. Sang tháng 01/2027, mưa lớn diện rộng có xu hướng giảm.

- Đông, lốc, sét, mưa đá: Trên phạm vi cả nước có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm đông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

2.5. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Bão/ATNĐ và KKL gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động của tàu thuyền. Hiện tượng mưa lớn và đông, lốc, sét, mưa đá, rét đậm, rét hại, sương muối, băng giá,... có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng, cây trồng và vật nuôi.

Bảng 1: Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từ tháng 11/2026-01/2027

Khu vực dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng- Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Tháng 11/2026		Tháng 12/2026		Tháng 01/2027	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	20,0-21,0	30-60	17,0-18,0	20-40	16,0-17,0	10-20

Khu vực dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Tháng 11/2026		Tháng 12/2026		Tháng 01/2027	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	22,5-23,5	50-100	18,5-19,5	25-50	17,0-18,0	15-30
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	20,0-21,0	30-60	15,5-16,5	25-50	14,0-15,0	15-30
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,0-24,0	30-60	19,0-20,0	25-50	17,0-18,0	10-20
Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,0-24,0	30-60	19,0-20,0	20-40	17,0-18,0	15-30
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,0-24,0	30-60	19,0-20,0	20-40	17,0-18,0	10-20
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	23,5-24,5	100-200	19,0-20,0	30-60	19,0-20,0	20-40
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	300-600	21,5-22,5	200-400	21,0-22,0	80-170
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	20-40	22,0-23,0	<10	22,0-23,0	<10
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	26,5-27,5	250-500	25,0-26,0	100-200	24,0-25,0	20-40
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	26,5-27,5	250-500	25,5-26,5	100-200	24,0-25,0	20-40
Buôn Ma Thuột- Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	24,0-25,0	40-80	23,0-24,0	10-20	22,5-23,5	<10
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	28,0-29,0	80-160	27,0-28,0	10-20	27,0-28,0	<10
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	28,0-29,0	80-160	27,0-28,0	10-20	27,0-28,0	<10

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới (Bảng 6-Phụ lục),

3. Xu thế khí hậu từ tháng 02 đến tháng 4/2027**3.1. Hiện tượng ENSO:**

Trong thời kỳ tháng 02–04/2027, El Niño tiếp tục duy trì nhưng có xu hướng suy yếu về cường độ. Xác suất El Niño đạt cường độ rất mạnh giảm từ 46% trong thời kỳ tháng 01–03/2027 xuống còn 6% trong tháng 02–04/2027.

Nhiều khả năng El Niño sẽ có cường độ trung bình đến mạnh, với xác suất tương ứng là 44% và 32%. Sau đó El Niño có khả năng tiếp tục suy yếu nhưng sẽ còn duy trì đến nửa đầu mùa hè năm 2027 trước khi dần quay trở lại trạng thái trung tính.

3.2. Dự báo xu thế nhiệt độ trung bình

Từ tháng 02-4/2027, NĐTB trên cả nước phổ biến cao hơn TBNN cùng thời kỳ từ 1,0-2,0⁰C, có nơi cao hơn 2,0⁰C.

3.3. Dự báo xu thế lượng mưa

Tháng 02-3/2027, TLM tại Bắc Bộ có khả năng phổ biến xấp xỉ TBNN; Trung Bộ và Nam Bộ thấp hơn TBNN từ 10-20mm, trong đó Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ phổ biến ít mưa. Tháng 4/2027, TLM tại Bắc Bộ có khả năng thấp hơn TBNN từ 10-20mm; Trung Bộ và Nam Bộ có xu hướng thấp hơn TBNN từ 20-40mm.

- Khu vực Bắc Bộ: Tháng 02/2027, TLM phổ biến 15-30mm. Tháng 3/2027, TLM phổ biến 30-60mm, có nơi cao hơn. Tháng 4/2027, TLM phổ biến 40-80mm, có nơi cao hơn.

- Khu vực Trung Bộ: Tháng 02/2027, TLM phổ biến 20-40mm, có nơi thấp hơn. Tháng 3/2027, TLM phổ biến 30-60mm. Tháng 4/2027, TLM phổ biến 20-40mm.

- Khu vực Nam Bộ: Từ tháng 02-3/2027, phổ biến ít mưa. Trong tháng 02-3/2027, TLM phổ biến 10-20mm/tháng; tháng 4/2027, TLM phổ biến 20-40mm, có nơi thấp hơn.

Lưu vực sông Mê Kông: Tháng 02/2027, khu vực phổ biến ít mưa. Tháng 3/2027, TLM tại thượng lưu và trung lưu phổ biến thiếu hụt 15-30%, khu vực hạ lưu thiếu hụt 20-40%. Tháng 4/2027, TLM trên toàn lưu vực phổ biến thiếu hụt 20-40%, riêng khu vực hạ lưu thiếu hụt 30-50% so với TBNN cùng thời kỳ.

3.4. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

- Bão/ATNĐ: Từ tháng 02-4/2027, ít có khả năng xuất hiện bão/ATNĐ trên khu vực Biển Đông (TBNN trên Biển Đông: 0,5 cơn; đổ bộ vào đất liền: 0 cơn).

- Không khí lạnh và rét đậm, rét hại: KKL có xu hướng hoạt động yếu hơn TBNN. Khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vẫn có khả năng xuất hiện các đợt KKL gây rét đậm, rét hại; số ngày rét đậm, rét hại có khả năng thấp hơn TBNN cùng thời kỳ. Trong thời kỳ cuối mùa đông số ngày mưa nhỏ, mưa phùn ở miền Bắc có khả năng ít hơn TBNN.

- Nắng nóng (NN): Tại miền Đông Nam Bộ, NN có khả năng xuất hiện từ tháng 02/2027, sớm hơn so với TBNN; sang tháng 3-4/2027, NN có xu hướng gia tăng ở Nam Bộ. Tại Tây Bắc Bộ, NN cục bộ có khả năng xuất hiện từ tháng

3/2027.

- Đông, lốc, sét, mưa đá: Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có khả năng xuất hiện các đợt mưa rào và dông, cục bộ có mưa vừa, mưa to, nhất là trong tháng 3-4/2027. Trong các đợt dông cần đề phòng lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

3.5. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Gió mùa Đông Bắc gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông; hiện tượng NN, mưa lớn và dông, lốc, sét, rét đậm, rét hại, sương muối, băng giá... có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất, sức khỏe cộng đồng, cây trồng và vật nuôi... Ngoài ra, thời kỳ từ tháng 02-4/2027 khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng thiếu hụt mưa cùng với nền nhiệt độ cao có thể sẽ tác động lớn đến nguồn nước và ảnh hưởng xấu đến các hoạt động đời sống và sản xuất.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan như nắng nóng, mưa lớn trong thời gian ngắn, lũ quét, sạt lở đất... Do đó, đề nghị thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp, đặc biệt là phương án vận hành hồ chứa phù hợp, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du, cùng với đó đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: Trước 15h00 ngày 15/11/2026.

Tin phát lúc: 15h00 ngày 15/10/2026./.

Soát tin: Trần Quang Diệp

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Nguyễn Đức Hòa

PHỤ LỤC

Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ từ tháng 8/2026 đến nửa đầu tháng 10/2026

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Mưa kèm dông, lốc	Lào Cai và Sơn La	Tối 31/7 đến ngày 01/8/2026
Mưa lớn, sạt lở đất, dông, sét	Sơn La, Lào Cai, Tuyên Quang	Đêm 03/8 đến 05/8/2026
Mưa lớn, sạt lở đất, dông, sét	Sơn La, Lào Cai, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Thanh Hóa	Đêm 03/8 đến 06/8/2026
Mưa lớn, sạt lở đất, dông lốc	Thanh Hóa, Nghệ An, Lâm Đồng	Từ 05-07/8/2026
Dông, lốc	Cao Bằng, Thái Nguyên	12/8/2026
Dông, lốc	Thái Nguyên, Quảng Trị	17/8/2026
Dông, lốc	Quảng Ngãi, Lâm Đồng	18/8/2026
Dông, lốc	Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Ngãi	19/8/2026
Sét	Tp. Hà Nội	27/8/2026
Dông, lốc	Cần Thơ	Ngày 01/10/2026
Dông, lốc, sét	Điện Biên, Sơn La, Hà Tĩnh	Ngày 4/10/2026
Dông, lốc, sét	Điện Biên, Sơn La, Hà Tĩnh	Ngày 6/10/2026

Bảng 2: Nhiệt độ cao nhất ngày ($^{\circ}\text{C}$) đạt và vượt GTLS trong thời kỳ từ tháng 8/2026 đến nửa đầu tháng 10/2026

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	GTLS nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 8	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ cao nhất ngày đạt và vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Trường Sa (Khánh Hòa)	34,2	09/8/2025	34,2	03/8/2026
2	Cần Thơ (Tp. Cần Thơ)	35,5	25/8/2020	35,5	03/8/2026
3	Mỹ Tho (Đồng Tháp)	35,6	02/8/2025	35,6	03/8/2026
4	Cà Mau (Cà Mau)	34,5	14/8/2024	34,6	03/8/2026
5	Trà Nóc (Tp. Cần Thơ)	34,0	21/8/2024	34,3	04/8/2026
6	Cam Ranh (Khánh Hòa)	39,0	03/8/2021	40,2	08/8/2026
7	Bắc Mê (Tuyên Quang)	39,5	05/8/2021	39,9	09/8/2026

8	Tuyên Quang (Tuyên Quang)	38,3	04/8/2025	38,5	09/8/2026
9	Hữu Lũng (Lạng Sơn)	38,0	04/8/2025	38,0	10/8/2026
10	Bắc Mê (Tuyên Quang)	39,5	05/8/2021	40,0	13/8/2026
11	Phan Rí (Lâm Đồng)	36,8	23/8/2019	37,3	13/8/2026
STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	GTLS nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 9	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ cao nhất ngày đạt và vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Phù Yên (Sơn La)	37,0	06/9/2024, 08/9/2025	37,2	01/9/2026
2	Hà Đông (Tp. Hà Nội)	37,5	05/9/2024	37,5	01/9/2026
3	Pha Đin (Điện Biên)	29,5	23/9/2008	35,4	02/9/2026
4	Cò Nòi (Sơn La)	35,0	08/9/2025	35,2	02/9/2026
5	Ba Tri (Vĩnh Long)	35,2	06/9/2015, 09/9/2024	35,2	04/9/2026
6	Nhà Bè (Tp. Hồ Chí Minh)	35,4	07/9/2015	35,4	05/9/2026
7	Biên Hòa (Tp. Đồng Nai)	36,0	29/9/2024	36,0	07/9/2026
8	Hoài Nhơn (Gia Lai)	37,3	06/9/2004, 08/9/2024	37,6	08/9/2026
9	An Nhơn (Gia Lai)	37,5	04/9/2023	37,5	08/9/2026
10	Trường Sa (Khánh Hòa)	33,7	09/9/2017	34,0	14/9/2026
11	Pleiku (Gia Lai)	31,9	20/9/2023	32,3	19/9/2026
12	Chi Nê (Phú Thọ)	37,3	02/9/1988	37,6	29/9/2026
13	Hải Dương (Tp. Hải Phòng)	37,2	02/9/2020, 05/9/2024	37,3	29/9/2026
14	Hưng Yên	36,6	05/9/2024	36,9	29/9/2026
15	Nam Định (Ninh Bình)	36,6	02/9/2020	37,0	29/9/2026
16	Phủ Lý (Ninh Bình)	37,0	06/9/2015	37,5	29/9/2026
17	Nho Quan (Ninh Bình)	37,4	03/9/1988	37,7	29/9/2026
18	Thái Bình (Hưng Yên)	36,0	07/9/2025	36,5	29/9/2026
19	Mai Châu (Phú Thọ)	37,4	19/9/2017	37,4	30/9/2026
20	Bạch Long Vỹ (Tp. Hải Phòng)	34,3	05/9/2020	34,4	30/9/2026
21	Láng (Tp. Hà Nội)	38,2	08/9/2025	38,4	30/9/2026

22	Hưng Yên	36,9	29/9/2026	37,0	30/9/2026
23	Pleiku (Gia Lai)	32,3	19/9/2026	32,3	30/9/2026
24	Buôn Hồ (Đắk Lắk)	31,1	30/9/2024	31,4	30/9/2026
25	Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	32,9	29/9/2024	33,2	30/9/2026
STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	GTLS nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ cao nhất ngày đạt và vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Mai Châu (Phú Thọ)	37,2	11/10/2003	37,3	01/10/2026
2	Chi Nê (Phú Thọ)	35,6	11/10/2003	36,0	01/10/2026
3	Bắc Hà (Lào Cai)	30,1	12/10/2003	30,3	01/10/2026
4	Phổ Range (Lào Cai)	35,6	09/10/2021	35,8	01/10/2026
5	Yên Bái (Lào Cai)	35,0	08/10/2021; 07/10/2021; 03/10/1995	35,0	01/10/2026
6	Bắc Mê (Tuyên Quang)	36,5	07/10/2021	37,3	01/10/2026
7	Tuyên Quang (Tuyên Quang)	35,0	03/10/1995	35,2	01/10/2026
8	Hàm Yên (Tuyên Quang)	35,7	08/10/2021	35,7	01/10/2026
9	Phú Hộ (Phú Thọ)	34,5	13/10/1995	35,3	01/10/2026
10	Vĩnh Yên (Phú Thọ)	35,8	06/10/2023	36,9	01/10/2026
11	Bảo Lạc (Cao Bằng)	36,4	05/10/2016; 21/10/1969	37,0	01/10/2026
12	Thất Khê (Lạng Sơn)	35,7	06/10/2021	36,0	01/10/2026
13	Lạng Sơn (Lạng Sơn)	33,8	04/10/2023	34,0	01/10/2026
14	Hữu Lũng (Lạng Sơn)	35,5	03/10/2009	35,8	02/10/2026; 01/10/2026
15	Phù Liên (Tp. Hải Phòng)	34,5	12/10/2025	34,5	01/10/2026
16	Ba Vì (Tp. Hà Nội)	35,5	12/10/2003	35,5	01/10/2026
17	Hoài Đức (Tp. Hà Nội)	35,7	06/10/2023	36,5	01/10/2026
18	Hà Đông (Tp. Hà Nội)	35,7	05/10/2025	36,5	01/10/2026
19	Hải Dương (Tp. Hải Phòng)	35,4	07/10/2021	35,5	01/10/2026
20	Hưng Yên (Hưng Yên)	35,5	01/10/2014	36,0	01/10/2026
21	Nam Định (Ninh Bình)	35,5	05/10/2025; 04/10/2023	35,7	01/10/2026

22	Phủ Lý (Ninh Bình)	35,0	05/10/2023; 04/10/2023	35,9	01/10/2026
23	Nho Quan (Ninh Bình)	35,1	12/10/2003	35,9	01/10/2026
24	Ninh Bình (Ninh Bình)	35,0	04/10/2023	35,6	01/10/2026
25	Hương Khê (Hà Tĩnh)	35,8	12/10/2003	36,0	01/10/2026
26	Đông Hà (Quảng Trị)	35,0	21/10/2016	35,5	01/10/2026
27	Nam Đông (Tp. Huế)	35,5	12/10/1987	35,6	01/10/2026
28	Lắk (Đắk Lắk)	33,0	10/10/2017; 13/10/2008; 21/10/2002	33,0	03/10/2026; 01/10/2026
29	Biên Hòa (Tp. Đồng Nai)	35,9	19/10/2025	36,2	01/10/2026
30	Nhà Bè (Tp. Hồ Chí Minh)	34,8	28/10/2018; 12/10/2018; 12/10/2017	35,2	01/10/2026
31	Mường Tè (Lai Châu)	37,2	19/10/1991	38,0	02/10/2026
32	Mường Lay (Lai Châu)	36,4	11/10/1998	36,4	02/10/2026
33	Điện Biên (Điện Biên)	35,7	05/10/2023	35,8	02/10/2026
34	Cò Nòi (Sơn La)	34,0	05/10/2025	35,7	02/10/2026
35	Bắc Yên (Sơn La)	32,7	23/10/2019	34,2	02/10/2026
36	Mù Cang Chải (Lào Cai)	31,3	05/10/2025	34,2	02/10/2026
37	Việt Trì (Phú Thọ)	35,0	06/10/2023; 08/10/2021	35,8	02/10/2026
38	Tam Đảo (Phú Thọ)	29,5	25/10/2013	30,0	02/10/2026
39	Sơn Tây (Tp. Hà Nội)	35,6	12/10/2003	36,0	02/10/2026
40	Láng (Tp. Hà Nội)	36,4	05/10/2023	37,1	02/10/2026
41	Chí Linh (Tp. Hải Phòng)	35,8	05/10/2023	36,0	02/10/2026
42	Cúc Phương (Ninh Bình)	34,2	05/10/2023	34,2	02/10/2026
43	Trà My (Tp. Đà Nẵng)	35,0	09/10/2021	35,2	02/10/2026
44	Lý Sơn (Quảng Ngãi)	33,0	01/10/2015	33,0	02/10/2026
45	Nha Trang (Khánh Hòa)	33,7	01/10/2024	34,4	02/10/2026
46	Tam Đường (Lai Châu)	31,0	20/10/2016	33,2	03/10/2026

47	Than Uyên (Lai Châu)	34,6	22/10/2016	35,4	03/10/2026
48	Yên Châu (Sơn La)	37,5	23/10/2019	38,3	03/10/2026
49	Hòn Dấu (Tp. Hải Phòng)	34,8	03/10/2014	37,2	03/10/2026
50	Tuyên Hóa (Quảng Trị)	36,4	12/10/2003	37,0	04/10/2026
51	Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	32,7	01/10/2024	33,2	04/10/2026
52	Buôn Hồ (Đắk Lắk)	30,5	01/10/2024; 07/10/2015	30,7	05/10/2026
53	Ba Tri (Vĩnh Long)	34,5	01/10/2024; 08/10/2023; 02/10/2015	35,2	05/10/2026
54	Bạc Liêu (Cà Mau)	33,5	10/10/2017	33,5	05/10/2026
55	Côn Đảo (Tp. Hồ Chí Minh)	33,2	04/10/2025	33,8	06/10/2026
56	Sóc Trăng (Tp. Cần Thơ)	34,4	14/10/2024; 09/10/2023	34,5	07/10/2026
57	Trường Sa (Khánh Hòa)	34,4	10/10/2017; 05/10/2009	34,6	12/10/2026
58	Trà Nóc (Tp. Cần Thơ)	33,9	01/10/2021	34,5	12/10/2026
59	Trùng Khánh (Cao Bằng)	33,3	01/10/2021	34,4	13/10/2026

Bảng 3: Nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 8 và tháng 9/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	GTLS nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 8	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 8/2026 đạt và vượt GTLS
1	Tam Đường (Lai Châu)	24,7	08/2019	24,9
2	Than Uyên (Lai Châu)	26,4	08/2019	26,4
3	Tuần Giáo (Điện Biên)	26,3	08/2019	26,5
4	Mai Châu (Phú Thọ)	28,4	08/2024; 08/2021	28,4
5	Bắc Hà (Lào Cai)	24,5	08/2021	24,7
6	Sa Pa (Lào Cai)	21,2	08/2023	21,7
7	Hà Giang (Tuyên Quang)	29,0	08/2019; 08/1990	29,1
8	Bắc Mê (Tuyên Quang)	28,5	08/2021	29,9
9	Đồng Văn (Tuyên Quang)	23,8	08/2021	23,8

10	A Lưới (Tp. Huế)	26,0	08/2023	26,2
11	Đà Nẵng (Tp. Đà Nẵng)	31,0	08/2023; 08/2021	31,6
12	Tam Kỳ (Tp. Đà Nẵng)	30,5	08/2021	30,9
13	Lý Sơn (Quảng Ngãi)	30,7	08/2019	31,1
14	Quảng Ngãi (Quảng Ngãi)	30,7	08/2024; 08/2023	31,3
15	Ba Tơ (Quảng Ngãi)	29,6	08/2023; 08/2021	30,5
16	Hoài Nhơn (Gia Lai)	30,5	08/2023; 08/2021	31,3
17	An Nhơn (Gia Lai)	30,4	08/2023; 08/2019	30,5
18	Quy Nhơn (Gia Lai)	31,6	08/2019	31,6
19	Sơn Hoà (Đắk Lắk)	29,6	08/2023; 08/2019	29,6
20	Nha Trang (Khánh Hòa)	30,3	08/2019	30,8
21	Cam Ranh (Khánh Hòa)	30,5	08/2024	31,7
22	Song Tử Tây (Khánh Hòa)	29,2	08/2015	29,7
23	Trường Sa (Khánh Hòa)	29,5	08/2023	29,8
24	Phan Rang (Khánh Hòa)	29,7	08/2024; 08/2023	30,3
25	Phan Rí (Lâm Đồng)	28,5	08/2024	28,7
26	M'Đrăk (Đắk Lắk)	27,4	08/2023	27,6
27	Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	25,9	08/2024; 08/2023	26,3
28	Lắk (Đắk Lắk)	26,3	08/2023	26,3
29	Thủ Dầu Một (Tp. Hồ Chí Minh)	28,5	08/2024	28,6
30	Côn Đảo (Tp. Hồ Chí Minh)	29,2	08/2023	29,3
31	DK1-7 (Huyện Trăn) (Tp. Hồ Chí Minh)	28,9	08/2024	29,3
32	Cao Lãnh (Đồng Tháp)	28,6	08/2023; 08/2016	28,8
33	Cần Thơ (Tp. Cần Thơ)	28,6	08/2024; 08/2023	28,6
34	Phú Quốc (An Giang)	29,0	08/2024	29,1
35	Thỏ Chu (An Giang)	28,3	08/2024; 08/2023	28,5

36	Cà Mau (Cà Mau)	29,1	08/2023	29,5
STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	GTLS nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 9	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 9/2026 đạt và vượt GTLS
1	Mường Tè (Lai Châu)	26,7	09/2020; 09/2017	26,9
2	Tam Đường (Lai Châu)	24,0	09/2024	24,1
3	Vĩnh Yên (Phú Thọ)	29,3	09/2025	29,4
4	Hữu Lũng (Lạng Sơn)	28,2	09/2024; 09/2017	28,2
5	Bắc Giang (Tp. Bắc Ninh)	28,6	09/2025; 09/2024; 09/2021; 09/2020; 09/2016	29,0
6	Bắc Ninh (Tp. Bắc Ninh)	29,1	09/2025	29,2
7	Hòn Dấu (Tp. Hải Phòng)	29,1	09/2020; 09/2019; 09/2017	29,3
8	Láng (Tp. Hà Nội)	29,5	09/2025; 09/2019	29,5
9	Hải Dương (Tp. Hải Phòng)	28,9	09/2014	28,9
10	Hưng Yên (Hưng Yên)	29,0	09/2014	29,0
11	Nam Định (Ninh Bình)	29,1	09/2020	29,1
12	Phủ Lý (Hà Nam) (Ninh Bình)	28,9	09/2017	29,0
13	Thái Bình (Hưng Yên)	28,6	09/2025; 09/2017	28,7
14	Song Tử Tây (Khánh Hòa)	28,9	09/2020; 09/2010	28,9
15	Trường Sa (Khánh Hòa)	29,1	09/2010	29,3
16	Đà Lạt (Lâm Đồng)	19,6	09/2024; 09/2017	19,8
17	Long Khánh (Tp. Đồng Nai)	26,7	09/2017	26,7
18	Nhà Bè (Tp. Hồ Chí Minh)	28,3	09/2017	28,3
19	Huyền Trân (Tp. Hồ Chí Minh)	28,7	09/2014	29,0

20	Vĩnh Long (Vĩnh Long)	27,8	09/2017	27,9
21	Cao Lãnh (Đồng Tháp)	28,2	09/2001	28,4
22	Bạc Liêu (Cà Mau)	27,9	09/2024	28,1
23	Cà Mau (Cà Mau)	28,7	09/2025; 09/2024	28,7

Bảng 4: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất vượt GTLS trong thời kỳ từ tháng 8/2026 đến nửa đầu tháng 10/2026

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	GTLS lượng mưa ngày cao nhất trong tháng 8	Ngày xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Qùy Hợp (Nghệ An)	198,5	17/8/2018	222,1	20/8/2026
2	Vinh (Nghệ An)	328,7	24/8/2010	362,9	20/8/2026
3	Hương Sơn (Hà Tĩnh)	173,4	06/8/2007	267,6	20/8/2026
4	Sầm Sơn (Thanh Hoa)	165,0	28/8/2010	254,4	24/8/2026
5	Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	315,9	17/8/2018	359,7	24/8/2026
STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	GTLS lượng mưa ngày cao nhất trong tháng 9	Ngày xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Hoài Đức (Tp. Hà Nội)	245,9	28/9/2023	249,5	17/9/2026
2	Vinh (Nghệ An)	387,9	10/9/1985	401,0	19/9/2026
3	Quy Nhơn (Gia Lai)	144,9	22/9/2022	176,0	23/9/2026
4	Phan Thiết (Lâm Đồng)	122,8	25/9/1962	176,8	23/9/2026
5	Phan Rí (Lâm Đồng)	82,6	25/9/2018	213,6	23/9/2026
STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	GTLS lượng mưa ngày cao nhất trong tháng 10	Ngày xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Điện Biên (Điện Biên)	97,2	10/10/2015	169,8	05/10/2026
2	Phan Rí (Lâm Đồng)	97,9	30/10/2025	166,1	08/10/2026

Bảng 5: Tổng lượng mưa tháng (mm) từ tháng 8-9/2026 vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng	GTLS TLM tháng 8	Năm xảy ra	Giá trị TLM vượt GTLS tháng 8/2026
1	Lạng Sơn (Lạng Sơn)	523,4	1968	580
2	Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	782,4	2018	939
3	Hữu Lũng (Lạng Sơn)	556,7	1972	637,1
4	Đình Lập (Lạng Sơn)	661,8	1968	878,4
5	Bãi Cháy (Tp. Quảng Ninh)	894,2	1972	992,1
6	Lục Ngạn (Tp. Bắc Ninh)	517,1	2025	529,6
7	Chí Linh (Tp. Hải Phòng)	499,4	2016	614,1
8	Cúc Phương (Ninh Bình)	639,2	2025	691,3
9	Yên Định (Thanh Hoá)	638,6	2025	672,3
10	Sầm Sơn (Thanh Hóa)	619,7	2025	684,6
11	Thanh Hóa (Thanh Hóa)	689,0	1975	728,0
12	Quỳ Hợp (Nghệ An)	602,8	2025	691,7
13	Khe Sanh (Quảng Trị)	661,5	1978	757,8
STT	Trạm khí tượng	GTLS TLM tháng 9	Năm xảy ra	Giá trị TLM vượt GTLS tháng 9/2026
1	A Lưới (Tp. Huế)	1200,5	2009	1252,0
2	Quy Nhơn (Gia Lai)	512,8	2022	624,0
3	Phan Thiết (Lâm Đồng)	359,0	2015	527,5
4	La Gi (lâm Đồng)	458,2	1986	527,5
5	Phan Ri (Lâm Đồng)	202,3	2018	609,2
6	EaKmat (Đắk Lak)	529,3	2007	640,1
7	Nhà Bè (Tp. Hồ Chí Minh)	502,2	2015	640,1
8	Trị An (Tp. Đồng Nai)	611,2	2018	616,6

Bảng 6: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (là tỉnh Hòa Bình cũ)
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tp. Quảng Ninh, Tp. Hải Phòng, Tp. Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Tp. Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ)
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp. Huế.
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Tp. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
6	Khu vực Nam Bộ	Tp. Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau.